

Bản án số: 228/2026/DS-PT
Ngày 11/5/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Quang.

Ông Trần Bình Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 117/2026/TLPT-DS ngày 27/02/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2025/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158A/2026/QĐXX-PT, ngày 19/3/2026 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 407/2026/TB-TA ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1959; có mặt.

Địa chỉ: Ấp M, xã U, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cao Thị Tố Q là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Kim S, sinh năm 1978; có mặt.

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1978; có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã U, tỉnh An Giang.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Ông Nguyễn Kim S và vợ là bà Trần Thị B có vay tiền của bà T 02 lần, cụ thể như sau: Ngày 15/8/2020 ông S có vay của bà T là 50.000.000 đồng, bà T không có tiền mặt nên đã bán 13 chỉ vàng 24k đưa cho ông S vay; khi vay không có tính tiền lãi, ông S nói vay tiền để thả tôm giống, khi vay có làm biên nhận do ông S tự viết và ký tên.

Năm 2021, bà T không có nhớ rõ ngày tháng, ông S có vay thêm của bà T số tiền 15.000.000 đồng, ông S nói vay tiền để ăn Tết, khi vay không có làm biên nhận chỉ thoả thuận miệng, không có ai chứng kiến việc vay nợ, hẹn qua tết trả nên không tính lãi.

Ông S và bà B hứa trả tổng cộng gốc, lãi là 100.000.000 đồng, ông S và bà B thoả thuận trả trước 60.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng nợ lại nên ngày 29/11/2022 bà B có ký biên nhận vay của bà T 40.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, biên nhận do bà T viết và bà B ký tên. Nhưng bà T không có đưa tiền 40.000.000 đồng cho bà B mà là tiền lãi của 65.000.000 đồng gốc là 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay bà T đã đưa cho ông S là 65.000.000 đồng.

Trong quá trình vay ông S có trả cho bà T tổng số tiền lãi là 9.000.000 đồng (trong đó, ông S trả lãi 6.000.000 đồng vào tháng 3 năm 2022, bà B trả lãi 3.000.000 đồng vào tháng 6 năm 2022).

Đến tháng 4 năm 2023, ông S có ký giấy hỏi tiền chốt lại các khoản nợ mà ông S và bà B còn nợ bà T tổng cộng là 100.000.000 đồng (trong đó, tiền gốc 65.000.000 đồng và lãi là 35.000.000 đồng) và hẹn trả 02 lần nhưng không trả.

Nay, bà T yêu cầu ông S và bà B trả số tiền nợ tổng cộng gốc lãi là 100.000.000 đồng; trong đó, tiền gốc là 65.000.000 đồng, tiền lãi là 35.000.000 đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B là ông Dương Thái N trình bày:

Cách đây 3, 4 năm nhưng ông S không nhớ rõ năm nào ông S có vay của bà T là 05 chỉ vàng 24k, bà T bán vàng đưa tiền cho ông S bao nhiêu ông S không nhớ rõ, lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng khi vay ông S không có ký biên nhận cho bà T. Ông S vay hơn 01 năm thì có đưa tiền cho vợ ông S là bà B trả cho bà T tổng cộng gốc lãi là 40.000.000 đồng, bà T đến nhà bà B lấy tiền không có làm giấy tờ hay ai chứng kiến. Các biên nhận bà T cung cấp cho Tòa án, ông S không đồng ý là có ký biên nhận nợ. Ông S và bà B không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T vì ông S và bà B đã trả tiền vay cho bà T xong

hiện nay không còn nợ bà T nữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2025/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - An Giang đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đối với bị đơn ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T tổng số tiền gốc lãi là 67.560.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) (trong đó, tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 17.560.000 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm của tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, bị đơn ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số: 173/2025/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B – An Giang; giám định lại chữ ký của ông bà trong giấy nợ ngày 15/8/2020 và yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, tiền bạc cho ông S, bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Kim S trình bày: Ông S, bà B không yêu cầu giám định lại chữ ký và không yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm cho ông S, bà B; yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc ông S, bà B trả cho bà T số tiền 67.560.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị B trình bày: thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu của ông S, không bổ sung gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội

đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 173/2025/DSST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B – An Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông S, bà B kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, do đó đơn kháng cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị B

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông S, bà B rút yêu cầu giám định lại chữ ký và rút yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm cho ông S, bà B. Xét, việc ông S rút một phần kháng cáo là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu kháng cáo đã rút.

[3.2] Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tài liệu chứng cứ bà T cung cấp là 03 giấy vay (hỏi) tiền gồm: giấy vay tiền đề ngày 15/8/2020, giấy hỏi tiền ngày 01/11/2022 số tiền 100.000.000 đồng và giấy mượn tiền ngày 29/11/2022 số tiền 40.000.000 đồng có chữ ký tên của ông S, bà B nhưng ông S, bà B không thừa nhận.

Tại Kết luận giám định số 658/KL-KTHS, ngày 20/10/2025 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, giấy hỏi tiền đề ngày 01/11/2022 và giấy mượn tiền đề ngày 29/11/2022 không có cơ sở kết luận là chữ ký và chữ viết của bà B và ông S, bà T cũng không có chứng cứ chứng minh các khoản vay 100.000.000 đồng và 40.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 15/8/2020, tại Kết luận giám định số 658/KL-KTHS, ngày 20/10/2025 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận là do ông S viết và ký. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác

định ông S có vay tiền của bà T là 50.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B mỗi người phải nộp án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000385 ngày 27/01/2026 và biên lai số 0000389 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền trưng cầu giám định chữ ký là 6.933.000 đồng, bà T và ông S, bà B mỗi người phải chịu là $\frac{1}{2}$ chi phí bằng 3.466.500 đồng. Bà T đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 6.933.000 đồng. Buộc ông S và bà B phải trả lại $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng cho bà T là 3.466.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 161, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị B về việc yêu cầu giám định lại chữ ký và yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm cho ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị B.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị B; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2025/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - An Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đối với bị đơn ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T tổng số tiền gốc lãi là 67.560.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó, tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), tiền lãi 17.560.000 (mười bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí 1.622.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hồng T.

Buộc ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 3.378.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B mỗi người phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông S, bà B mỗi người đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai số 0000385 ngày 27/01/2026 và biên lai số 0000389 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp toàn bộ chi phí giám định là 6.933.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị B phải trả lại $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng cho bà Nguyễn Thị Hồng T là 3.466.500 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- Viện Phúc thẩm 3;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực B - AG;
- THADS khu vực B - AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong